

Số: 19 /NQ-HĐND

Kiến Hưng, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã  
và phương án phân bổ ngân sách xã Kiến Hưng năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KIẾN HƯNG  
KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Thông báo kết luận số 59-TB/ĐU ngày 16/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy tại Kỳ họp Ban Thường vụ Đảng ủy lần thứ 5;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 16/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã Kiến Hưng năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BKTNS ngày 17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách nhà nước được hưởng theo phân cấp, thu ngân sách địa phương như sau:

**1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 40.015 triệu đồng, trong đó:**

- |  |                   |
|--|-------------------|
| - Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý: | 300 triệu đồng    |
| - Thu từ khu vực ngoài quốc doanh:       | 15.000 triệu đồng |
| - Lệ phí trước bạ:                       | 12.200 triệu đồng |
| - Thu phí, lệ phí:                       | 2.900 triệu đồng  |

- Thuế thu nhập cá nhân:	4.300 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	60 triệu đồng
- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	380 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	4.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách:	45 triệu đồng
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	830 triệu đồng

**2. Tổng thu NSNN theo phân cấp nguồn thu: 35.415 triệu đồng, trong đó:**

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh:	15.000 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ:	12.200 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí:	2.900 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	60 triệu đồng
- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	380 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	4.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách:	45 triệu đồng
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	830 triệu đồng

**3. Tổng thu cân đối ngân sách xã: 213.280 triệu đồng, trong đó:**

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:	3.240 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ:	6.600 triệu đồng
- Thu phí, lệ phí:	100 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	60 triệu đồng
- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	152 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	1.400 triệu đồng
- Thu khác ngân sách:	9 triệu đồng
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác:	830 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	200.889 triệu đồng
+ Thu bổ sung cân đối ngân sách:	199.809 triệu đồng
+ Thu bổ sung có mục tiêu:	1.080 triệu đồng

**Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách xã năm 2026 như sau:**

Tổng chi cân đối ngân sách xã: 213.280 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển (Nguồn tiền đất được điều tiết):	1.400 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	207.698 triệu đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	4.182 triệu đồng

(Kèm theo biểu phụ lục chi tiết)

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân xã:**

**1.1.** Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan; chủ động thực hiện điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, đảm bảo hiệu quả.

**1.2.** Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

**1.3.** Giao dự toán ngân sách cho các cấp, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, Thành phố về dự toán ngân sách năm 2026 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp và ngân sách địa phương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

**1.4.** Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, nhất là các khoản thu từ đất.

**1.5.** Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

**1.6.** Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

**2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./

#### **Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND TP (báo cáo);
- TT Đảng ủy, TTHĐND, UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- VP Đảng ủy, VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, HSKH



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026						Ghi chú
		Dự toán thành phố giao			Dự toán HĐND xã giao			
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	NSNN theo phân cấp nguồn thu	Thu NSDP	Tổng thu NSNN trên địa bàn	NSNN theo phân cấp nguồn thu	Thu NSDP	
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>40.015</b>	<b>35.415</b>	<b>213.280</b>	<b>40.015</b>	<b>35.415</b>	<b>213.280</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>40.015</b>	<b>35.415</b>	<b>12.391</b>	<b>40.015</b>	<b>35.415</b>	<b>12.391</b>	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	300			300			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)							
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	15.000	15.000	3.240	15.000	15.000	3.240	
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.300			4.300			
6	Thuế bảo vệ môi trường							
7	Lệ phí trước bạ	12.200	12.200	6.600	12.200	12.200	6.600	
8	Thu phí, lệ phí	2.900	2.900	100	2.900	2.900	100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60	60	60	60	60	60	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	380	380	152	380	380	152	
12	Thu tiền sử dụng đất	4.000	4.000	1.400	4.000	4.000	1.400	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)							
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
16	Thu khác ngân sách	45	45	9	45	45	9	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	830	830	830	830	830	830	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>							
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>							
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>			<b>200.889</b>			<b>200.889</b>	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên			199.809			199.809	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			1.080			1.080	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ghi chú 2
		Dự toán thành phố giao	Dự toán HĐND xã giao	
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>213.280</b>	<b>213.280</b>	
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>213.280</b>	<b>213.280</b>	
	<b>Trong đó:</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.400</b>	<b>1.400</b>	
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
1.2	Chi khoa học và công nghệ			
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình			
1.4	Chi văn hóa thông tin			
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.6	Chi thể dục thể thao			
1.7	Chi bảo vệ môi trường			
1.8	Chi các hoạt động kinh tế			
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
1.10	Chi bảo đảm xã hội			
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.400	1.400	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>207.698</b>	<b>207.698</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	95.730	95.730	
2	Chi an ninh - quốc phòng	4.963	4.963	
3	Chi khoa học và công nghệ	390	390	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	3.915	3.915	
5	Chi văn hóa thông tin	5.587	5.587	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300	300	
7	Chi thể dục thể thao	355	355	
8	Chi bảo vệ môi trường	1.400	1.400	
9	Chi các hoạt động kinh tế	17.203	17.203	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.078	32.078	
11	Chi bảo đảm xã hội	44.744	44.744	
12	Chi khác	1.033	1.033	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.182</b>	<b>4.182</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>Chi viện trợ</b>			
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>			

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ KIẾN HƯNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 19 /12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ghi chú
A	B	1	2
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>213.280</b>	
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>12.391</b>	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	1.999	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	10.392	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>200.889</b>	
-	Thu bổ sung cân đối	199.809	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080	
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>213.280</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách xã</b>	<b>213.280</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	1.400	
2	Chi thường xuyên	207.698	
3	Dự phòng ngân sách	4.182	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
<b>II</b>	<b>Chi viện trợ</b>		
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HDND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CHI TRƯỚC KHI TRỪ TIẾT KIỆM	TỔNG CHI ĐẦU TƯ	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN TRƯỚC KHI TRỪ TIẾT KIỆM	TRONG ĐÓ												TIẾT KIỆM 10% CHI TX	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN SAU TRỪ TIẾT KIỆM	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	Ghi chú
					CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI KHÁC				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	<b>TỔNG SỐ</b>	213.280	1.400	207.698	95.730	390	4.963	3.915	5.587	300	355	1.400	17.203	32.078	44.744	1.033	4.751	202.947	4.182	-
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>	1.400	1.400	-																
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	108.528	-	108.528	64.240	180	3.338	3.765	1.304	50	50	50	970	24.455	10.127	-	2.003	106.525	4.182	-
1	Văn phòng Đảng ủy	8.083		8.083	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.083	-	-	606	7.476	-	-
2	Văn phòng HDND và UBND	10.226		10.226	-		3.288	-	-	-	-	-	-	6.349	589	-	24	10.201	-	-
3	Hội đồng nhân dân	1.899		1.899										1.899			141	1.758		
4	Phòng Kinh tế	2.686		2.686	-	-	50					50	592	1.994		-	113	2.573	-	-
5	Phòng Văn hóa xã hội	12.616		12.616	-	180	-		-	-	-	-	-	2.897	9.538	-	136	12.480	-	-
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.144		1.144										1.144			29	1.115		
7	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	1.782		1.782					1.304	50	50	-	378	-	-	-	47	1.734	-	-
8	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam	2.089		2.089										2.089	-	-	64	2.025	-	
9	Trạm y tế xã Kiến Hưng	3.765		3.765				3.765									69	3.696		
10	Các trường	64.240	-	64.240	64.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	774	63.466	-	-
a	Mầm non	18.640	-	18.640	18.640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	211	18.429	-	-
-	Trường MN Ngũ Đoan	6.249		6.249	6.249												68	6.181		
-	Trường MN Đại Hà	5.436		5.436	5.436												63	5.373		
-	Trường MN Tân Trào	6.954		6.954	6.954												80	6.875		
b	Tiểu học	24.957	-	24.957	24.957	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	24.658	-	-
-	Trường TH Ngũ Đoan	8.565		8.565	8.565												103	8.462		
-	Trường TH Đại Hà	7.796		7.796	7.796												92	7.704		
-	Trường TH Tân Trào	8.596		8.596	8.596												105	8.491		
c	Trung học cơ sở	20.643	-	20.643	20.643	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	263	20.380	-	-
-	Trường THCS Ngũ Đoan	7.349		7.349	7.349												94	7.256		
-	Trường THCS Đại Hà	6.776		6.776	6.776												86	6.690		
-	Trường THCS Tân Trào	6.518		6.518	6.518												83	6.435		
11	Các nhiệm vụ chi khác	103.352	-	99.170	31.490	210	1.625	150	4.283	250	305	1.350	16.233	7.623	34.617	1.033	2.748	96.422	4.182	